TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47 /2024/HS-ST
Ngày: 18/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Khanh, bà Nguyễn Thị Tiếp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST-HS, ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Quách Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 10 năm 2003, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Quách Văn H, sinh năm 1982; Con bà: Bùi Thị T, sinh năm: 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03/11/2023, tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

2. Lê Anh T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1998, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Thanh H1, sinh năm 1970; Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03/11/2023, tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Văn T2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 5 năm 1991,

tại xã C (nay là thị trấn P), huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: TDP D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn L (đã chết); Con bà: Trịnh Thị P (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị D (đã ly hôn); Con: có 01 sinh năm 2012;

Tiền án: Không

Tiền sự: có 02 tiền sự. Ngày 19/10/2023 bị Công an huyện C xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 15/11/2023 bị Công an huyện C xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Nhân thân:Ngày 24/11/2009 theo bản án số 25/2009/HSST, Nguyễn Văn T2 bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án tích). Ngày 02/6/2016 bị Công an huyện C xử phạt hành chính về hành vi "Đánh nhau".

Bị cáo bị bắt tạm giữ 04/11/2023, tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Quách Văn N và Lê Anh T1 đều là đối tượng nghiện ma túy, khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 03/11/2023, Quách Văn N rủ T1 góp tiền tìm mua ma túy để sử dụng. Nhất góp 200.000 đồng, T1 góp 300.000 đồng. Lê Anh T1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T2 để nhờ T2 mua giúp ma túy, T2 đã đồng ý và hẹn T1 sang huyện C để đi mua. Lê Anh T1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA SuperDream màu nâu, BKS: 36E1-129.33 chở Nhất đến khu vực Bệnh viện đa khoa huyện C, tỉnh Thanh Hóa để gặp T2. Lúc này, T1 đưa cho T2 số tiền 500.000 đồng để T2 tìm mua ma túy. T2 nói với T1 và Nhất là "đi mua xi lanh đi rồi ra cầu C chờ anh". Sau đó, T2 đi bộ đến khu vực nghĩa trang T6 tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa để mua ma túy, Quách Văn N đi mua xi lanh và nước cất rồi cùng T1 đi đến khu vực cầu C để chờ T2. Khoảng 15 phút sau thì T2 đi đến khu vực cầu C, T1 chở N và T2 đi đến khu vực bãi đá thuộc tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa để cùng nhau sử dụng ma túy. Quách Văn N đã đưa 04 xi lanh và 02 lọ nước cất cho T2, lúc này T2 ngồi xuống xé vỏ gói xi lanh, còn T1 và N mỗi người bẻ một lọ nước cất để xuống túi bóng. T2 lấy một chiếc xi lanh, một gói giấy bên trong có chứa ma túy rồi pha cùng nước cất, sau đó T2 chia đều số ma túy vào 03 xi lanh rồi đưa cho T1 và N mỗi người một xi lanh đã pha sẵn ma túy để sử dụng. Bản thân T2 giữ lại một chiếc xi lanh chứa ma túy để sử dụng. T2 và N đã sử dụng hết ma túy có trong xi lanh, T1 chỉ sử dụng một nửa số ma túy có trong xi lanh, một nửa

còn lại T1 đã bơm sang chiếc xi lanh mới và cất giấu vào người nhằm mục đích sử dụng cho lần tiếp theo. Sau khi sử dụng xong T1 và N đi về nhà và đã đến Công an huyện T để tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, T1 giao nộp 01 xi lanh, bên trong có chứa chất ma túy đã pha với nước cất, 01 điện thoại IPHONE 6S màu xám, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0879.788.709.

Đến ngày 04/11/2023 Nguyễn Văn T2 đã đến Cơ quan Công an huyện T để đầu thú, đồng thời giao nộp 03 xi lanh, 02 lọ thủy tinh, đã qua sử dụng, 01 mảnh giấy màu trắng, có bám dính chất bột màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0977.515.933

Vật chứng thu giữ:

- 01 xi lanh (bơm kim tiêm) màu trắng, có chiều dài 3,1cm, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, đầu xi lanh được bịt kín bằng lớp nilon màu trắng thu của Lê Anh T1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu xám, số máy NKQJVN/A, số serin FRDS96MTGRY5, IMEI 358564076349398 đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0879788709 thu của Lê Anh T1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0977515933 thu của Nguyễn Văn T2;

- 03 bơm tiêm màu trắng loại 3ml đã qua sử dụng, 02 lọ thuỷ tinh (dạng lọ đựng nước cất) đã qua sử dụng bị vỡ một đầu thu của Nguyễn Văn T2.

Tại kết luận giám định số: 4094/KL-KTHS ngày 10/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Heroin, M bám dính bên trong 03 xi lanh của phong bì niêm phong gửi giám định. Tìm thấy chất ma túy, loại: Heroin bám dính trên mảnh giấy màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định. Không tìm thấy chất ma túy bám dính trên 02 lọ thủy tinh của phong bì niêm phong gửi giám định.

Kết quả xét nghiệm ma túy: T1, N, T2, đều dương tính với chất ma túy, nhóm ma túy thuốc phiện (Heroine).

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu HONDA SuperDream màu nâu, BKS: 36E1-129.33, là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của Lê Anh T1). Ngày 03/11/2023 Lê Anh T1 sử dụng chiếc xe nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội, bà Nguyễn Thị C không biết và không liên quan. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại chiếc xe trên cho bà C.

Về nguồn gốc số ma túy: Nguyễn Văn T2 khai mua của một người đàn ông (T2 không rõ tên, tuổi địa chỉ cụ thể) tại khu vực tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát về người đàn ông theo mô tả của T2. Tuy nhiên, qua xác minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện C

không xác định được đối tượng. Do đó không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

Đối với hành vi cất giấu số ma túy còn lại vào người để sử dụng cho lần tiếp theo của Lê Anh T1 sau khi giám định có Khối lượng Heroine trong 0,2mL mẫu là 1,222mg. Tuy nhiên trên đường trở về nhà nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật T1 đã đến Công an huyện T để tự thú, khai báo về hành vi của mình, đồng thời giao nộp chiếc xi lanh nêu trên cho Công an huyện T. Do đó không xử phạt hành chính về hành vi này của T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSCT, ngày 21/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, truy tố bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N, Nguyễn Văn T2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nay các bị cáo biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo N, T1, T2) điểm r khoản 1 Điều 51(đối với T1, Nhất); Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị lên mức hình phạt đối với bị cáo Quách Văn N từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 05 tháng tù; Bị cáo Phạm Văn T3 07 năm 03 tháng đến 07 năm 05 tháng tù; bị cáo Lê Anh T1 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.Về tang vật của vụ án: Tịch thu tiêu hủy các mẫu vật còn lại sau giám định; Tịch thu sung công hai chiếc điện thoại thu của Lê Anh T1 và Nguyễn Văn T2; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Quách Văn N, Phạm Văn T3, Lê Anh T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/11/2023, bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N góp tiền để đưa cho T3 mua ma túy và cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực bãi đá thuộc tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do nhận thức hành vi vi phạm nên Lê Anh T1, Quách Văn N đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T tự thú, đến ngày 04/11/2023, Nguyễn Văn T2 đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N, Nguyễn Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma tuý, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt nghiêm là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4].Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là bột phát, không có sự phân công, bàn bạc, tổ chức từ trước, do đó đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo Nhất là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T1 góp tiền để sử dụng ma tuý, nên bị cáo N giữ vai trò cao hơn bị cáo T2 và bị cáoTuấn là những người thực hành tích cực. Tuy nhiên bị cáo T2 có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cần xem xét mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân thân của bị cáo.

[5]. Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo Quách Văn N, Lê Anh T1 đều không có tiền án, tiền sự, đã tự nguyện đến Công an huyện T khai báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của mình, trong khi chưa có căn cứ cũng như chưa có ai biết các bị cáo có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là Tự thú quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn T2 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan Công an huyện T để đầu

thú, nên bị cáo T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T2 có nhân thân xấu nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8].Về vật chứng của vụ án: Các mẫu vật gửi giám định là công cụ các bị cáo sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hai chiếc điện thoại thu của Lê Anh T1, Nguyễn Văn T2 là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do đó tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N, Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 (điểm r khoản 1 đối với N, T1) Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N, Nguyễn Văn T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

Bị cáo Quách Văn N 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù.Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2023.

Bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2023.

Bị cáo Lê Anh T1 07(B) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2023.

Về tang vật của vụ án:

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại của Lê Anh T1 được niêm phong trong phong bì thư màu trắng, có viền xanh đỏ, được dán kín niêm phong có các chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Hữu T4, Lưu Văn K, Đào Minh T5, Lê Anh T1. 01 điện thoại của Nguyễn Văn T2 được niêm phong loại phong bì thư màu trắng, có viền xanh đỏ, được dán kín, niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Hữu T4, Lưu Văn K, Đào Minh T5, Nguyễn Văn T2 (theo biên

giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy)

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành bên trong có chứa 03 bơm kim tiêm màu trắng; 02 lọ thủy tinh; 01 mảnh giấy trắng đã qua giám định; 01 xi lanh (bơm kim tiêm) sau giám định được hoàn lại đựng trong 01 phong bì niêm phong dán kín số 8201/KL-KTHS (được mô tả chi tiết theo biên giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy)

Về án phí: Các bị cáo Lê Anh T1, Quách Văn N, Nguyễn Văn T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh